

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-PT

Ngày: 24- 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Thu V (Dung), sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Ph (chết); chồng Phan Văn N (sinh năm 1966); con: có 01 người con sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T là Luật sư – Văn phòng luật sư Lê Vũ Hồng H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/4/2017, Nguyễn Thị Thu V đi công việc khi về đến nhà thì nghe Võ Văn Tr nhà cạnh bên chửi gia đình V đốt rác làm bụi bay vào nhà Tr nên xảy ra cự cãi, Tr vào nhà lấy 01 con dao nhưng được vợ là Võ Thị Ngọc Th và Nguyễn Văn Mạnh E can ngăn. Lúc này trong nhà V đang tổ chức uống rượu gồm có chồng là Phan Văn N cùng Phan Văn T và Nguyễn Văn H. Khoảng 15 phút sau, V đang đứng trước cửa nhà tưới cây thì Tr cầm một cái xẻng xúc đất bằng kim loại, cán gỗ đến trước cửa nhà ông Nguyễn Văn V đập xuống đường và tiếp tục cự cãi nên

ông N và ông T dùng mảnh vỡ bê tông của chậu kiểng ném Tr nhưng không trúng rồi xông vào đánh Tr nên chị Th vào can ngăn. Thấy vậy, V đi qua trước nhà ông V, lấy 01 đoạn kim loại tròn dài khoảng 48 cm đánh một cái trúng vào đầu phải của chị Th gây thương tích. Ông Võ Minh Th là cha chị Th dùng bệ dừa đứng sau lưng đánh vào vai V nên V quay lại dùng đoạn kim loại đánh trả nhưng bị ông Th chụp lấy đoạn kim loại giằng co với V thì bị té khuỷu gối bị đoạn kim loại trượt đâm trúng vào vùng đầu bên trái gây thương tích. Sau khi gây án V vứt bỏ đoạn kim loại, không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: một đoạn kim loại tròn dài khoảng 48cm, phi 10, thân có đường V ngang (thu vật tương tự cùng loại).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204/817/TgT ngày 11/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận: Võ Thị Ngọc Th bị vết thương vùng đỉnh phải dài 05cm: 02%; hiện vết thương lành, sẹo kích thước 05cm x 0,2 cm; vết thương phần mềm mặt lưng ngón II bàn tay phải đã lành, sẹo kích thước 01 cm x 0,1 cm: 01%; sưng bầm vai phải kích thước 10 cm x 10 cm đã hết, không còn để lại vết tích: 00%; tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 3%;

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 85/C09B ngày 04/12/2018 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: vết thương vùng đỉnh phải của bị hại Võ Thị Ngọc Th là do vật tày tác động gây nên, hướng từ trên xuống, từ sau tới trước. Vết thương ngón II bàn tay phải của Võ Thị Ngọc Th để lại sẹo nhỏ, mờ nên không xác định được cơ chế tác động và vật gây thương tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm “Tội cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 04/6/2020 bị cáo Nguyễn Thị Thu V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo với lý do: chồng của bị cáo sức khỏe không tốt, con của bị cáo đang đi học, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm “Tội cố ý gây thương tích” là đúng người,

đúng tội. Nhưng trong nhận định về tình tiết giảm nhẹ thì Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và *phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Và trong Biên bản nghị án vào lúc 16 giờ ngày 27/5/2020 của Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thể hiện; về tội danh: tội cố ý gây thương tích; về điều luật áp dụng: điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án là không phù hợp với quyết định hình phạt của Bản án. Đây là những vi phạm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật mà cấp phúc thẩm không thể sửa chữa được. Vì các lẽ trên; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử lại.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Bản án sơ thẩm chưa áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm i, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: khoảng 17 giờ ngày 13/4/2017, tại ấp A, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thị Thu V đã có hành vi vô cớ dùng đoạn kim loại là hung khí nguy hiểm đánh bị hại Võ Thị Ngọc Th gây thương tích với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%. Bị hại Võ Thị Ngọc Th có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Với ý thức, hành vi, hậu quả xảy ra và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu V phạm

“Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu V yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: qua xem xét Bản án sơ thẩm nhận thấy Bản án sơ thẩm còn nhiều thiếu sót, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Bản án sơ thẩm nhận định *bị cáo vô cơ dùng đoạn kim loại là hung khí nguy hiểm đánh bị hại gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%, như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự*, nhận định như thế là chưa đầy đủ vì đây là vụ án hình sự khởi tố theo yêu cầu của bị hại, vì vậy Bản án sơ thẩm cần nhận định thêm *bị hại có yêu cầu khởi tố vụ án hình sự* mới đầy đủ và chính xác. Biên bản phiên tòa cũng không thể hiện việc hỏi bị hại *còn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự* hay *đã rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự* để có căn cứ giải quyết theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng* theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng Bản án sơ thẩm chỉ nhận định bị cáo *lần đầu phạm tội* là chưa đầy đủ và Bản án gốc cũng như Bản án chính đều không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo trong khi Biên bản nghị án áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, nhưng Bản án gốc lại nhận định và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp *quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng* cho bị cáo là không phù hợp. Mặt khác; Bản án sơ thẩm tuyên xử phạt bị cáo 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng Biên bản nghị án lại áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự quy định về *án treo* đối với bị cáo là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Hơn nữa; Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung bị cáo *phạm tội có tính chất côn đồ* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, nhưng Biên bản nghị án lại áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự quy định về *án treo* đối với bị cáo là vi phạm nghiêm trọng Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Biên bản nghị án áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự quy định về *án treo* đối với bị cáo trong khi Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự để áp dụng *hình phạt tù có thời hạn* đối với bị cáo và *thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án*, vì vậy giữa Biên bản nghị án với Bản án sơ thẩm có mâu thuẫn nhau trong việc áp dụng pháp luật, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do Bản án sơ thẩm có nhiều thiếu sót, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố

tụng mà cấp phúc thẩm không thể sửa chữa được, vì vậy cần hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục chung. Do hủy Bản án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: do hủy Bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 27-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre;

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu V, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm cho đến khi Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý lại vụ án.

[2] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- Công an và VKSND h. M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã AT, h. M (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông